

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 317 -26/CV-TCO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

- Mã chứng khoán: TOS
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) 28 7300 6826 Fax: (+84) 28 3535 5423
- Email: info@tco.com.vn Website: https://tancangoffshore.com/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026

thuộc); ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực
☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28 / 8 / 2026 tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/bao-cai-tai-chinh/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTCHN 6 tháng đầu năm 2026.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phùng Hưng



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 - 58

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi vốn điều lệ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Đăng Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trương Bá Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Ông Vũ Nhật Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quang Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phùng Hưng – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Phùng Hưng

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.369.722.665.766	4.109.514.587.825
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.105.816.773.641	893.859.572.885
1. Tiền	111		436.196.701.426	379.844.392.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		669.620.072.215	514.015.180.155
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		458.236.644.173	450.470.618.091
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	458.236.644.173	450.470.618.091
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.834.160.863.127	1.364.128.561.366
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.185.430.592.354	767.286.869.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	517.373.220.187	248.653.046.577
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	135.075.831.196	351.909.274.761
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(3.738.304.337)	(3.738.304.337)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		19.523.727	17.675.249
IV. Hàng tồn kho	140		1.610.485.754.431	1.000.696.978.991
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.610.485.754.431	1.000.696.978.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		361.022.630.394	400.358.856.492
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	34.856.122.273	38.786.776.940
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		209.858.524.113	170.504.002.137
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.21	77.333.491	29.985.906
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	116.230.650.517	191.038.091.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.089.084.733.962	4.037.009.721.457
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.943.825.550	7.642.858.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	9.943.825.550	7.642.858.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.511.882.980.556	2.202.118.360.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.288.996.454.542	1.981.759.681.793
- Nguyên giá	222		4.935.661.451.965	4.417.545.727.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.646.664.997.423)	(2.435.786.045.889)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.132.863.395	1.855.600.145
- Nguyên giá	225		5.439.726.165	2.848.326.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.306.862.770)	(992.725.899)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	218.753.662.619	218.503.078.186
- Nguyên giá	228		220.402.646.386	219.919.279.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.648.983.767)	(1.416.201.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		509.991.140.885	572.690.195.440
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.13	509.991.140.885	572.690.195.440
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		463.354.248.393	669.134.098.597
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	417.861.976.982	456.880.186.334
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	45.492.271.411	44.878.405.411
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	-	167.375.506.852
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		593.912.538.578	585.424.209.296
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	561.946.875.377	543.228.434.656
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.14	18.896.429.992	29.811.698.738
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.15	13.069.233.209	12.384.075.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		9.458.807.399.728	8.146.524.309.282

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.484.355.537.040	5.498.284.023.557
I. Nợ ngắn hạn	310		3.910.128.313.061	3.284.182.765.745
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	960.032.614.821	723.007.860.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	1.182.494.666.000	715.901.135.452
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.18	124.166.087.500	6.402.240.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.21	96.181.051.143	260.681.052.520
5. Phải trả người lao động	315		46.412.230.234	84.285.014.876
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	128.247.778.777	76.593.311.900
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.20a	101.817.252.788	128.641.138.905
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.22a	17.883.789.909	92.658.783.763
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.23a	1.131.157.764.467	1.084.648.315.791
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	121.735.077.422	111.363.911.961
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.574.227.223.979	2.214.101.257.812
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	682.597.475.182	720.656.147.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	V.20b	7.151.515.152	44.608.687.880
6. Phải trả dài hạn khác	338	V.22b	16.700.313.681	14.713.891.681
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.23b	1.863.946.848.433	1.432.529.604.752
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.14	3.831.071.531	1.592.925.617
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.974.451.862.688	2.648.240.285.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	449.996.810.000	449.996.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		449.996.810.000	449.996.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.119.558.121.889	318.600.088.525
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		27.522.514.725	27.412.296.553
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		762.075.781.377	1.277.942.823.404
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		342.548.009.590	466.365.215.488
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		419.527.771.787	811.577.607.916
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		615.298.634.697	574.288.267.243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.458.807.399.728	8.146.524.309.282

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.737.886.279.248	2.195.261.672.881
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.185.469	8.538.148
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.737.866.093.779	2.195.253.134.733
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.988.712.547.566	1.628.339.418.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		749.153.546.213	566.913.716.086
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	33.589.533.138	18.140.548.164
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	100.187.901.606	70.080.114.371
Trong đó: chi phí đi vay	24		86.729.361.122	56.995.638.601
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.406.916.663	9.616.177.487
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	117.367.840.574	86.079.742.132
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		14.076.282.476	16.753.677.512
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		569.856.702.984	436.031.907.772
13. Thu nhập khác	31	VI.7	6.851.676.772	101.678.862.458
14. Chi phí khác	32	VI.8	3.213.522.618	150.938.511
15. Lợi nhuận khác	40		3.638.154.154	101.527.923.947
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		573.494.857.138	537.559.831.719
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	87.709.639.080	138.129.375.439
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	13.153.414.660	(38.047.187.989)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		472.631.803.398	437.477.644.269
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		419.527.771.787	403.310.719.903
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		53.104.031.611	34.166.924.366
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.002	4.808
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	5.002	4.808

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		573.494.857.138	537.559.831.719
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		205.808.009.537	156.305.908.958
- Các khoản dự phòng	03		-	(26.789.921.346)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(1.317.769.715)	1.446.507.729
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(46.832.587.234)	(128.394.596.038)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	86.729.361.122	56.995.638.601
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		817.881.870.848	597.123.369.623
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(87.829.303.543)	(315.123.933.671)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(473.278.455.401)	(397.733.129.954)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		404.664.030.040	273.802.654.809
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		40.850.301.763	(41.415.737.693)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(88.010.770.750)	(66.242.424.271)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.21	(255.694.527.757)	(91.831.993.647)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.644.450.330)	(10.554.975.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		342.938.694.870	(51.975.070.330)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(703.886.151.240)	(236.026.064.586)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.000.000.000	363.779.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(265.129.385.014)	(390.419.427.225)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		438.266.435.645	36.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28.668.419.166)	221.321.336
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.165.577.773	11.137.930.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(519.251.942.002)	(214.807.039.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25	10.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	1.478.034.360.170	1.333.199.838.508
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(1.086.308.184.036)	(975.293.752.091)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(281.162.955)	(242.703.742)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.860.995.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		384.584.018.179	357.663.382.675
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		208.270.771.047	90.881.272.616
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	893.859.572.885	592.765.906.403
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.686.429.709	2.888.269.283
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.105.816.773.641	686.535.448.302

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 09 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (“Gantry”) để tăng tỷ lệ sở hữu tại Gantry. Theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng thêm 2.250.000 cổ phần từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng, giá mua 30.665.525.879 VND (13.629 VND/cổ phần).

Sau giao dịch này, Tập đoàn sở hữu 4.275.000 cổ phần, mệnh giá 42.750.000.000 VND, chiếm 95% vốn điều lệ của Gantry. Gantry từ Công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh như sau:

Tài sản	244.752.087.937
Tiền	4.610.972.713
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	14.941.142.745
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.117.986.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.208.770.896
Phải thu ngắn hạn khác	2.624.666.009
Hàng tồn kho	136.510.320.039
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	354.470.113
Thuế GTGT được khấu trừ	8.384.937.655
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	36.392.121.670
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(7.970.901.610)
Nguyên giá TSCĐ vô hình	483.367.200
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(198.717.627)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ dài hạn	292.951.247
Nợ phải trả	183.473.881.568
Phải trả người bán ngắn hạn	46.641.143.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30.933.000.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	3.375.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	437.245.542
Phải trả người lao động	617.993.199
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.150.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	3.874.588.939
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	68.840.139.670
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.271.437.374
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26.333.333.336
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	61.278.206.369
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (5%)	3.063.910.319
Giá trị hợp lý của tài sản thuần thuộc về Tập đoàn (95%) (a)	58.214.296.050
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b) ⁽ⁱ⁾	59.556.911.090
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	1.342.615.040

(i) Giá phí hợp nhất kinh doanh qua 2 giai đoạn, được xác định như sau:

Giá phí khoản đầu tư vào công ty liên kết (45%), đã được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát (*)	28.891.385.211
Giá phí khoản đầu tư bổ sung để tăng tỷ lệ sở hữu từ 45% lên 95%	30.665.525.879
Cộng	59.556.911.090

(*) Xem thuyết minh V.2b

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	30.665.525.879
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(4.610.972.713)
Tiền chi thuần	26.054.553.166

Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con

Trong kỳ, các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện ("TCLH") tiếp tục góp thêm vốn điều lệ với số tiền là 10 tỷ VND. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, vốn điều lệ của TCLH là 230 tỷ VND, tương ứng 23 triệu cổ phần (Số đầu năm: 220 tỷ VND, tương ứng 22 triệu cổ phần), trong đó Công ty sở hữu 16 triệu cổ phần tương ứng tỷ lệ 69,57% vốn điều lệ của TCLH (Số đầu năm: 72,73%).

Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con làm giảm lỗ 118.190.114 VND, được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (xem thuyết minh V.24).

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

			Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính				
Các công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng ("Tcots")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ("TCKG")	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ("TCM")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng ("TCDG")	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam) ("TCI")	NQ 10-15, Nguyệt Quế 10, Khu đô thị Vinhomes Star City, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện ("TCLH")	Tòa nhà Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, 808 đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	69,57%	72,73%	69,57%	72,73%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Tầng 3, số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu	95,00%	45,00%	95,00%	45,00%
Các công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái ^(*) ("Tcots Cát Lái")	Số 25 Đường 4B Tổ 7 Khu phố 2, Phường Long Trường, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	26,01%	28,42%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng biển Tân Cảng ^(**) ("TCOEC")	96/7 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	38,25%	38,25%	51,00%	51,00%

(*) Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

(**) Công ty con của Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng.

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thức. Các Công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quốc Võ	Thôn Kiều Lương, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa	31%	31%	31%	31%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	36%	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	43,79%	43,79%	43,79%	43,79%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 1.882 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 1.683 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "TOS" theo Quyết định số 406/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 08 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 08 tháng 9 năm 2021. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 44.999.681 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí bảo lãnh ngân hàng

Chi phí bảo lãnh được phân bổ vào chi phí theo thời hạn của thư bảo lãnh.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Tập đoàn tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định thuê tài chính của Tập đoàn là phương tiện vận tải, có thời gian khấu hao từ 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

13. Kế toán giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định, chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản cố định được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Trường hợp bán và thuê lại tài sản cố định theo hình thức thuê hoạt động:

- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê tài sản.
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện và kết chuyển giảm chi phí thuê theo thời gian thuê tài sản.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Tập đoàn là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Các BCC của Tập đoàn bao gồm BCC không có quyền đồng kiểm soát. Tập đoàn thực hiện hạch toán theo bản chất kinh tế của từng hợp đồng. Cụ thể:

- Trường hợp Tập đoàn là bên góp vốn tham gia BCC và các bên chỉ được phân chia lợi nhuận nếu BCC có lãi và phải gánh chịu nếu BCC bị lỗ thì khoản góp vốn này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính và được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh số IV.3).
- Trường hợp Tập đoàn là bên nhận góp vốn từ các bên tham gia BCC và trả lãi cố định cho các bên đối tác tham gia BCC mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh thì bản chất hợp đồng BCC là vay vốn. Tập đoàn là bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế cho BCC thì giao dịch được hạch toán như đi vay vốn; nếu Tập đoàn không phải là bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế cho BCC thì giao dịch được hạch toán như cho vay vốn.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

24. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết của các cổ đông này;
- Các công ty liên kết của Tập đoàn;
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.837.855.992	4.521.214.550
Tiền gửi không kỳ hạn	427.358.845.434	375.323.178.180
- Ngân hàng TMCP Quân đội	179.845.400.212	114.340.770.582
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	153.529.634.649	141.195.786.159
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.407.922.848	47.122.217.359
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	57.959.326.880	45.177.401.632
- Các ngân hàng khác	25.616.560.845	27.487.002.448
Các khoản tương đương tiền	669.620.072.215	514.015.180.155
- Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội	123.001.000.000	130.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	304.040.342.465	274.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống ở các ngân hàng khác	140.551.434.568	109.000.000.000
- Lãi dự thu của tương đương tiền	2.027.295.182	1.015.180.155
Cộng	1.105.816.773.641	893.859.572.885

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	453.458.317.749	-	444.835.215.635	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	157.740.000.000	-	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	245.500.000.000	-	264.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	50.218.317.749	-	80.835.215.635	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.614.460.374	-	5.392.526.406	-
Cho vay cá nhân (lãi suất 0%)	163.866.050	-	242.866.050	-
Cộng	458.236.644.173	-	450.470.618.091	-

Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	156.450.000.000	-
Cho vay - Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	-	-	9.000.000.000	-
Lãi dự thu từ cho vay	-	-	1.925.506.852	-
Cộng	-	-	167.375.506.852	-

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	6.390.426.580	127.639.796.580	121.249.370.000	11.488.351.617	132.737.721.617
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	-	-	-	22.275.000.000	7.909.384.918	30.184.384.918
Công ty TNHH Dịch vụ ngăm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000	8.605.547.846	26.373.047.846	17.767.500.000	17.150.986.500	34.918.486.500
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	18.000.000.000	1.687.491.924	19.687.491.924	18.000.000.000	3.096.022.043	21.096.022.043
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	218.925.000.000	25.236.640.632	244.161.640.632	218.925.000.000	19.018.571.256	237.943.571.256
Cộng	375.941.870.000	41.920.106.982	417.861.976.982	398.216.870.000	58.663.316.334	456.880.186.334

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phần/ phần góp vốn nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/ Phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần/ Phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270 CP	31,00%	3.911.270 CP	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (*)	4.275.000 CP	95,00%	2.025.000 CP	45,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000 VND	50,00%	17.767.500.000 VND	50,00%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	1.800.000 CP	36,00%	1.800.000 CP	36,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	8.757.000 CP	43,79%	8.757.000 CP	43,79%

(*) Xem thuyết minh I.5a

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Lãi trong kỳ	Cổ tức được chia	Phân loại thành công ty con	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	132.737.721.617	6.080.426.580	(11.178.351.617)	-	127.639.796.580
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	30.184.384.918	1.744.500.293	(3.037.500.000)	(28.891.385.211)	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	34.918.486.500	(1.078.183.654)	(7.467.255.000)	-	26.373.047.846
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	21.096.022.043	1.111.469.881	(2.520.000.000)	-	19.687.491.924
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	237.943.571.256	6.218.069.376	-	-	244.161.640.632
Cộng	456.880.186.334	14.076.282.476	(24.203.106.617)	(28.891.385.211)	417.861.976.982

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết: Xem tại Thuyết minh VII.2b

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	2.878.405.411	-	4.878.405.411	-
Công ty TNHH Hồng Sơn - Phải thu về hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱ⁾	42.613.866.000	-	40.000.000.000	-
Cộng	45.492.271.411	-	44.878.405.411	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Là các khoản góp vốn BCC tại Công ty con – Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (“TCOTS”), bao gồm:

- (i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18/01/2016 giữa TCOTS, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của TCOTS là 50%, tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Hợp đồng BCC đang thực hiện bình thường, có lợi nhuận được chia hàng năm.
- (ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 14/11/2025 giữa TCOTS và Công ty TNHH Hồng Sơn để thực hiện đầu tư khu du lịch Biển San Hô tại phường Mũi Né, tỉnh Bình Thuận. Thời gian hợp tác là 25 năm, đến ngày 31/01/2051. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 199 tỷ VND, tỷ lệ vốn góp của TCOTS là 30%, tương đương 60 tỷ VND. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Hợp đồng BCC hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số vốn TCOTS còn phải góp là 17.386.134.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	221.145.832.112	-	214.414.842.740	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	-	-	1.490.651.010	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	4.897.018.209	-	7.010.295.583	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	987.409.620	-	145.094.930	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	20.563.084.500	-	3.937.162.806	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	5.809.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	107.929.707.343	-	131.698.610.290	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.704.800.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	10.700.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	17.223.567.946	-	5.949.632.820	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	144.726.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	360.254.127	-	436.844.355	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	218.846.279	-	273.828.044	-
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	16.075.000	-	24.626.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Shipping	963.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	4.206.600.000	-	-	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	28.683.392.223	-	9.320.307.960	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	324.000.000	-	54.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	41.171.000	-	28.390.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	10.044.000.000	-	289.332.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	-	162.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	3.263.092.560	-	39.658.684.909	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	-	-	8.248.277.284	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu.	19.220.615.305	-	5.687.104.749	-
Phải thu các khách hàng khác	964.284.760.242	(3.738.304.337)	552.872.026.376	(3.738.304.337)
Quân chủng Hải quân	210.552.263.308	-	29.222.000.000	-
SC Management Co., Ltd	100.678.061.172	-	131.308.154.485	-
PTSC Marine	119.910.446.133	-	57.246.245.773	-
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	136.573.405.929	-	98.428.079.500	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	655.672.322	-	-	-
Các khách hàng khác	395.914.911.378	(3.738.304.337)	236.667.546.618	(3.738.304.337)
Cộng	1.185.430.592.354	(3.738.304.337)	767.286.869.116	(3.738.304.337)

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.926.248.676	376.747.594
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.926.248.676	376.747.594
Trả trước cho các người bán khác	515.446.971.511	248.276.298.983
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ⁽ⁱ⁾	120.713.423.724	120.713.423.724
Oceaner Marine (Tianjin), Ltd ⁽ⁱⁱ⁾	150.217.800.000	-
Fujian Lixin Ship Engineering Co., Ltd ⁽ⁱⁱⁱ⁾	77.617.888.009	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam ^(iv)	65.262.474.902	87.016.633.203
Các nhà cung cấp khác	101.635.384.876	40.546.242.056
Cộng	517.373.220.187	248.653.046.577

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư 267.801.448.711 -

- (i) Là khoản trả trước 10% giá trị hợp đồng trước thuế cho Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê dịch vụ bọc ống – Dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn PC2 ngày 30/09/2025. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước 12/2026.
- (ii) Là khoản trả trước 30% giá trị hợp đồng cho Oceaner Marine Tianjin Ltd theo Hợp đồng Mua bán Tàu mã số SOM03-SPC20260120 ngày 25/5/2026. Dự kiến tàu được bên bán bàn giao cho bên mua vào ngày 01/9/2026.
- (iii) Là khoản trả trước 20% giá trị hợp đồng cho Fujian Lixin Ship Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng đóng tàu số LXCB2024125 ký ngày 10/11/2025. Thời gian bàn giao là 60 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- (iv) Là khoản trả trước 10% giá trị hợp đồng trước thuế cho Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê nhà thầu chế tạo ống và co ống (bend) – Dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn - PC2 ngày 25/09/2025. Thời hạn thực hiện hợp đồng trước 11/2026.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	22.215.226.208	-	1.015.219.694	-
Phải thu cổ tức từ:	21.165.606.617	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	11.178.351.617	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngấm Tân Cảng Mermaid	7.467.255.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân cảng	2.520.000.000	-	-	-
Phải thu lợi nhuận từ BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng	1.049.619.591	-	1.015.219.694	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	112.860.604.988	-	350.894.055.067	-
Quản chung Hải quân - Phần thu hộ Xây dựng Công trình	-	-	290.184.201.922	-
Phải thu về tiền bồi thường chờ công ty bảo hiểm xử lý ⁽ⁱ⁾	24.785.259.259	-	24.785.259.259	-
Ký cược, ký quỹ	44.392.930.152	-	13.602.352.302	-
Tạm ứng ⁽ⁱⁱ⁾	31.654.684.739	-	19.034.175.223	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.027.730.838	-	3.288.066.361	-
Cộng	135.075.831.196	-	351.909.274.761	-

(i) Khoản phải thu liên quan đến vụ sự cố đắm sà lan TC 03 trong quá trình vận chuyển hàng hóa trên biển ngày 13 tháng 04 năm 2024 tại Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng ("TCDG"/Công ty con). Theo đó, tài sản bị chìm có tổng giá trị 26.166.000.000 VND, chi phí trục vớt 1.952.592.953 VND. Hiện tại, TCDG đang làm việc với đơn vị bảo hiểm và đơn vị vận chuyển để thống nhất phương án bồi thường.

(ii) Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, thời hạn hoàn ứng không quá 12 tháng kể từ ngày tạm ứng.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Đầu tư Long Phú Hải	Từ 3 năm trở lên	1.341.062.049	(1.341.062.049)	Từ 3 năm trở lên	1.341.062.049	(1.341.062.049)
Bệnh viện 30-4	Từ 3 năm trở lên	2.087.820.000	(2.087.820.000)	Từ 3 năm trở lên	2.087.820.000	(2.087.820.000)
Công ty Cổ phần Việt Nam Catering	Từ 3 năm trở lên	206.775.216	(206.775.216)	Từ 3 năm trở lên	206.775.216	(206.775.216)
Các tổ chức và cá nhân khác	Từ 3 năm trở lên	122.126.752	(102.647.072)	Từ 3 năm trở lên	122.126.752	(102.647.072)
Cộng		3.757.784.017	(3.738.304.337)		3.757.784.017	(3.738.304.337)

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	134.893.643.159	-	152.491.362.153	-
Công cụ dụng cụ	747.289.302	-	504.185.093	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.433.811.963.811	-	844.220.088.425	-
Thành phẩm (*)	38.380.575.660	-	17.381.867	-
Hàng hóa	2.652.282.499	-	3.463.961.453	-
Cộng	1.610.485.754.431	-	1.000.696.978.991	-

(*) Số dư cuối kỳ là 01 cầu do Công ty Gantry tự lắp ráp.

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	9.974.838.962	10.149.364.743
Chi phí sửa chữa tài sản	4.304.103.641	5.255.750.501
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.350.435.078	22.635.497.104
Các chi phí khác	2.226.744.592	746.164.592
Cộng	34.856.122.273	38.786.776.940

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	51.762.156.319	59.670.312.716
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu và tài sản khác	49.583.144.303	43.827.339.339
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	37.496.078.246	17.337.573.019
Phí bảo lãnh ngân hàng	830.450.347	540.409.725
Chi phí thuê đất (*)	414.314.457.815	419.047.895.246
Các chi phí khác	7.960.588.347	2.804.904.611
Cộng	561.946.875.377	543.228.434.656

(*) Đây là khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng số 01/2025/LHF-TCLH ngày 22/4/2025 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp và Logistics Cảng nước sâu quốc tế Lạch Huyện để thuê lô đất KB1 tại Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, mục đích xây dựng và vận hành Trung tâm Logistics tại Hải Phòng. Thời hạn thuê là 537 tháng, đến năm 2070, với tổng số tiền thuê 466.077.040.000 VND.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống được Tập đoàn dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng, cụ thể:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	474.197.035	20.344.491.569
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	474.197.035	20.344.491.569
Các khoản tương đương tiền	115.576.782.577	170.452.540.719
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	24.279.397.342	60.906.130.234
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.351.986.730	23.895.676.585
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.000.000.000	64.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	26.945.398.505	11.650.733.900
Các ngân hàng khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Lãi dự thu của tương đương tiền	179.670.905	241.059.221
Cộng	116.230.650.517	191.038.091.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	514.572.534.026	1.332.669.728.797	2.543.866.827.553	2.158.755.156	24.277.882.150	4.417.545.727.682
Mua trong kỳ	-	41.536.066.926	-	350.000.000	-	41.886.066.926
Đầu tư XDCB hoàn thành	256.508.624	-	444.181.027.063	-	-	444.437.535.687
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	34.589.068.034	1.455.700.000	274.063.636	73.290.000	36.392.121.670
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.600.000.000)	-	-	(4.600.000.000)
Số cuối kỳ	<u>514.829.042.650</u>	<u>1.408.794.863.757</u>	<u>2.984.903.554.616</u>	<u>2.782.818.792</u>	<u>24.351.172.150</u>	<u>4.935.661.451.965</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	418.671.886.873	730.401.958.712	32.431.796.121	1.781.159.293	1.351.510.255	1.184.638.311.254
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	439.457.323.386	1.122.606.087.132	863.267.325.702	1.936.488.984	8.518.820.685	2.435.786.045.889
Khấu hao trong kỳ	2.424.421.688	41.616.615.289	157.817.397.980	64.319.994	2.879.594.842	204.802.349.793
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	6.609.683.110	1.192.983.154	94.945.346	73.290.000	7.970.901.610
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.894.299.869)	-	-	(1.894.299.869)
Số cuối kỳ	<u>441.881.745.074</u>	<u>1.170.832.385.531</u>	<u>1.020.383.406.967</u>	<u>2.095.754.324</u>	<u>11.471.705.527</u>	<u>2.646.664.997.423</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>75.115.210.640</u>	<u>210.063.641.665</u>	<u>1.680.599.501.851</u>	<u>222.266.172</u>	<u>15.759.061.465</u>	<u>1.981.759.681.793</u>
Số cuối kỳ	<u>72.947.297.576</u>	<u>237.962.478.226</u>	<u>1.964.520.147.649</u>	<u>687.064.468</u>	<u>12.879.466.623</u>	<u>2.288.996.454.542</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.897.150.709.305 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

Không có tài sản cố định nào chiếm tỷ trọng từ 10% giá trị tài sản cố hữu hình của Tập đoàn.

Tài sản cố định phục vụ BCC:

Phương tiện, vận tải là Sà lan 375 có nguyên giá số tiền 99.524.197.128 VND, giá trị còn lại số tiền 85.693.075.701 VND phục vụ cho hoạt động hợp tác đầu tư của Tập đoàn (xem thuyết minh V.22b).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.848.326.044	(992.725.899)	1.855.600.145
Thuê tài chính trong kỳ	2.591.400.121	-	2.591.400.121
Khấu hao trong kỳ	-	(314.136.871)	(314.136.871)
Số cuối kỳ	5.439.726.165	(1.306.862.770)	4.132.863.395
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô Kia Carnival	1.607.563.316	(379.563.556)	1.227.999.760
Xe ô tô Ford Everest	1.468.858.727	(20.400.816)	1.448.457.911
Xe Fortuner	1.240.762.728	(871.202.225)	369.560.503
Xe ô tô Mitsubishi	770.918.727	(24.626.571)	746.292.156
Các tài sản thuê tài chính khác	351.622.667	(11.069.602)	340.553.065
Cộng	5.439.726.165	(1.306.862.770)	4.132.863.395

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	218.443.235.186	1.476.044.000	219.919.279.186
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	483.367.200	483.367.200
Số cuối kỳ	218.443.235.186	1.959.411.200	220.402.646.386
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.296.515.000	1.296.515.000
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.416.201.000	1.416.201.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	198.717.627	198.717.627
Khấu hao trong kỳ	-	34.065.140	34.065.140
Số cuối kỳ	-	1.648.983.767	1.648.983.767
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	218.443.235.186	59.843.000	218.503.078.186
Số cuối kỳ	218.443.235.186	310.427.433	218.753.662.619

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất toà nhà văn phòng Công ty mẹ (*)	98.814.485.186	-	98.814.485.186
Quyền sử dụng đất công trình khách sạn Navy Nha Trang của TCOTS (*)	119.000.000.000	-	119.000.000.000
Các tài sản cố định vô hình khác	2.588.161.200	1.648.983.767	939.177.433
Cộng	220.402.646.386	1.648.983.767	218.753.662.619

(*) Các quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 217.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>551.392.626.934</i>	<i>150.653.576.780</i>	<i>(444.531.027.063)</i>	<i>(44.984.921.600)</i>	<i>212.530.255.051</i>
Tàu TC Apollo	194.237.533.321	6.105.885.639	(173.810.497.360)	(26.532.921.600)	-
Tàu TC Princess	247.962.816.046	246.190.238	(229.757.006.284)	(18.452.000.000)	-
Tàu Container ⁽¹⁾	77.971.514.665	81.609.623.345	-	-	159.581.138.010
Cầu RTG ⁽¹⁾	-	38.500.000.000	-	-	38.500.000.000
Các dự án khác	31.220.762.902	24.191.877.558	(40.963.523.419)	-	14.449.117.041
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>18.764.413.956</i>	<i>286.333.892.891</i>	<i>(256.508.624)</i>	<i>(9.874.158.400)</i>	<i>294.967.639.823</i>
Dự án Trung tâm Logistics Tân Cảng Lạch Huyện ⁽¹⁾	6.661.697.875	277.708.966.608	-	-	284.370.664.483
Các dự án khác	12.102.716.081	8.624.926.283	(256.508.624)	(9.874.158.400)	10.596.975.340
<i>Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ</i>	<i>2.533.154.550</i>	<i>91.677.918</i>	<i>-</i>	<i>(131.586.457)</i>	<i>2.493.246.011</i>
Cộng	572.690.195.440	437.079.147.589	(444.787.535.687)	(54.990.666.457)	509.991.140.885

⁽¹⁾ Tài sản hình thành từ các dự án này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu kỳ	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan doanh thu chưa thực hiện từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định	26.729.900.000	(10.691.960.000)	16.037.940.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất báo cáo	3.081.798.738	(223.308.746)	2.858.489.992
Cộng	29.811.698.738	(10.915.268.746)	18.896.429.992

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất báo cáo.

15. Lợi thế thương mại

Tập đoàn phát sinh lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng biển Tân Cảng ("TCOEC") và Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry ("Gantry"), chi tiết như sau:

	TCOEC	Gantry	Cộng
Số đầu năm	12.384.075.902	-	12.384.075.902
Tăng trong kỳ	-	1.342.615.040	1.342.615.040
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(635.080.816)	(22.376.917)	(657.457.733)
Số cuối kỳ	11.748.995.086	1.320.238.123	13.069.233.209

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>56.566.025.079</i>	<i>94.254.594.538</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	-	3.809.579.785
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	6.279.379.435	14.225.684.474
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	-	17.613.073.223

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	1.893.952.245	1.893.952.245
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	341.298.813	678.710.237
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.563.455.160	477.817.147
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	6.026.400.000	2.509.900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.		3.078.972.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước		11.022.900
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	834.161.800	-
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	-	6.338.475.055
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	359.057.517	157.108.477
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	-	33.975.159
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	4.524.280.552	5.773.226.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	98.668.443	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	28.645.371.114	16.364.603.281
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	-	21.288.494.155
Phải trả các nhà cung cấp khác	903.466.589.742	628.753.266.039
Genmarca Shipping Limited	20.252.377.275	25.782.198.650
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu (*)	52.340.620.511	-
Aussie Offshore Services Limited	92.451.641.138	81.549.974.267
Công ty Cổ phần Hàng hải Dầu khí Hải Dương	69.123.309.391	62.844.426.111
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Vận tải Khôi Nguyên	-	11.532.721.136
Các nhà cung cấp khác	669.298.641.427	447.043.945.875
Cộng	960.032.614.821	723.007.860.577

Trong đó:

Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư

45.121.912.107

-

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước**17a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	77.273.700.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	37.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	39.962.700.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	11.000.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.105.220.966.000	715.901.135.452
Quân chủng Hải quân	926.554.790.873	614.795.575.343
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	63.992.480.288	51.329.723.726
Các khách hàng khác	105.750.461.639	40.852.603.183
Cộng	1.182.494.666.000	715.901.135.452

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17b. Người mua trả tiền trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	17.300.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	17.300.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	682.597.475.182	703.356.147.882
Quân chủng Hải quân	414.009.000.000	434.767.672.700
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam ⁽¹⁾	268.588.475.182	268.588.475.182
Cộng	682.597.475.182	720.656.147.882

- (1) Là khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng liên danh số SWPOC-TM-CA-CON-PC2-041 ký ngày 27/06/2025 giữa Công ty và các đối tác, gồm Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam, các nhà thầu Liên doanh Việt Nga - Vietsopetro, và PT Timas Suplindo, về việc xây dựng và lắp đặt đường ống dẫn dầu Khối B Ô Môn, thời hạn thực hiện là 880 ngày. Tổng giá trị theo hợp đồng phần Công ty thực hiện là 2.685.884.751.818 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty nhận được phần tạm ứng 10% tương đương 268.588.475.182 VND.

18. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông Công ty mẹ</i>	101.670.707.500	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	40.500.145.000	-
Các cổ đông khác	61.170.562.500	-
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát</i>	22.495.380.000	6.402.240.000
Mitsui O.S.K Lines Co., Ltd	12.804.480.000	6.402.240.000
Các cổ đông khác	9.690.900.000	-
Cộng	124.166.087.500	6.402.240.000

Thông tin bổ sung về cổ tức phải trả

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công ty mẹ đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 25% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 2.500 VND/Cổ phiếu). Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức là ngày 10 tháng 6 năm 2026. Thời gian thanh toán cổ tức là ngày 13 tháng 7 năm 2026.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	22.739.822.877	12.390.889.034
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí thuê văn phòng	-	6.954.545
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng - Chi phí đại lý tàu	350.303.393	2.876.599.689
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng - Chi phí lãi vay	707.287.671	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid - Chi phí thuê tàu	12.741.599.813	566.702.800
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	105.507.955.900	64.202.422.866
Lãi vay phải trả	20.628.238.235	22.616.935.534
Chi phí thuê tàu phải trả	37.855.148.231	225.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Aussie Offshore Services Limited</i>	17.161.472.250	-
<i>Aussie Offshore Services SG Pte. Ltd</i>	11.473.839.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	9.219.836.981	225.000.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	14.745.562.488	7.746.651.745
Chi phí thuê thuyền viên nước ngoài	5.881.428.550	6.782.407.827
Chi phí trích trước tiền thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật	-	21.198.461.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.085.111.287	4.206.184.622
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	21.312.467.109	1.426.781.205
Cộng	128.247.778.777	76.593.311.900

20. Doanh thu chưa thực hiện**20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tàu TC Royal	80.189.700.000	106.919.600.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	21.627.552.788	21.721.538.905
Cộng	101.817.252.788	128.641.138.905

- (i) Trong năm 2025, Công ty đã bán tàu TC Royal cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu (bên liên quan) với giá bán chưa thuế GTGT là 363.779.200.000 VND. Đồng thời, Công ty cũng ký hợp đồng ngày 31/03/2025 về việc thuê lại tàu Royal từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu, với thời gian thuê 24 tháng cộng thêm 12 tháng mở rộng (nếu có), tính từ ngày vận chuyển (ngày 31/3/2025).

Tại thời điểm chuyển nhượng, tàu TC Royal có giá trị ghi sổ 43.016.725.364 VND; giá trị hợp lý 149.940.000.000 VND (được xác định dựa trên kết quả Chứng thư thẩm định giá ngày 20/03/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định và Đầu tư tài chính Hoa Sen - Chi nhánh miền Nam). Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản đã được ghi nhận vào thu nhập khác, số tiền 106.923.274.636 VND (Thuyết minh VI.7).

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản đã được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện, số tiền 213.839.200.000 VND, và được phân bổ để ghi giảm chi phí thuê theo thời hạn thuê (24 tháng).

- (ii) Là doanh thu cho thuê thiết bị ROV chờ phân bổ trong vòng 22 tháng, số tiền 39.333.333.335 VND.

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tàu TC Royal	-	26.729.900.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác (xem thuyết minh V.20a)	7.151.515.152	17.878.787.880
Cộng	7.151.515.152	44.608.687.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.252.755.682	-	12.315.226.769	(9.083.826.534)	-	4.484.155.917	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	29.388.029.545	(29.388.029.545)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.647.791.151	(1.647.791.151)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.629.111.294	-	87.709.639.080	(255.694.527.757)	408.482.440	87.052.705.057	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.900.230.231	29.928.194	10.043.871.999	(10.744.929.725)	28.763.102	2.275.283.192	77.275.779
Thuế nhà thầu	1.872.174.800	-	4.699.102.358	(4.245.791.049)	-	2.325.486.109	-
Các loại thuế khác	26.780.513	-	271.942.213	(255.301.858)	-	43.420.868	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	57.712	221.216.627	(221.216.627)	-	-	57.712
Cộng	260.681.052.520	29.985.906	146.296.819.742	(311.281.414.246)	437.245.542	96.181.051.143	77.333.491

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2014 đến năm 2028).

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Phải trả khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.764.633.243	81.027.083.354
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - tiền thu hộ	163.616.043	152.970.242
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng – Tiền thu hộ	3.601.017.200	80.874.113.112
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	14.119.156.666	11.631.700.409
Tài sản thừa chờ giải quyết	58.270.953	50.810.169
Kinh phí công đoàn	1.969.020.574	1.418.776.708
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	584.478.332	196.433.714
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.472.808.300	2.260.808.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.034.578.507	7.704.871.518
Cộng	17.883.789.909	92.658.783.763

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	1.986.422.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển - Góp vốn đầu tư TSCĐ ⁽¹⁾	14.713.891.681	14.713.891.681
Cộng	16.700.313.681	14.713.891.681

- (1) Là khoản nhận ủy thác từ Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển để thực hiện dự án “Đầu tư sà lan biển không tự hành – sà lan biển Hao Yi 11” theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2024/HĐUT/TCO ngày 12 tháng 12 năm 2024. Tổng giá trị dự án đầu tư tạm tính là 80.187.500.000 VND, trong đó, mỗi bên góp 17,5% tổng giá trị dự án, dự kiến là 14.093.750.000 VND, phần còn lại sẽ được huy động từ vốn vay. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Sà lan đã đi vào hoạt động và có doanh thu từ tháng 5 năm 2025. Việc phân chia lợi nhuận thực hiện tại cuối mỗi năm và dự kiến bắt đầu phân chia tại cuối năm nay.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	17.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng⁽¹⁾	778.374.914.767	757.419.099.477
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	34.755.012.234	111.845.247.670
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	46.290.160.777	14.648.375.565
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	126.606.589.559	41.778.099.375
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	134.044.943.078	319.414.935.833
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Đô Thành	179.905.302.643	164.603.568.172
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	256.761.695.573	105.128.872.862
Thẻ tín dụng tại Vietcombank - Chi nhánh Hải Phòng	11.210.903	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)</i>	<i>334.906.913.240</i>	<i>326.764.868.406</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	7.659.589.258	8.636.987.958
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	5.378.857.680	9.831.557.680
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	103.487.100.862	101.859.450.092
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	141.287.458.900	132.835.458.900
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	50.286.453.528	48.492.490.176
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Đô Thành	25.108.923.600	25.108.923.600
Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam	1.698.529.412	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)</i>	<i>875.936.460</i>	<i>464.347.908</i>
Cộng	1.131.157.764.467	1.084.648.315.791

^o Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, thời hạn từ 8 đến 12 tháng, để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	300 tỷ VND	7,2% - 8%	Tài khoản tiền gửi tại cùng ngân hàng; 02 cầu RTG 6+1 và 01 cầu Kocks 73013; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (thẻ tín dụng)			
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh	80 tỷ VND	5,7% - 7,5%	02 cầu Container KOCKS
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	50 tỷ VND	4,8%	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	500 tỷ VND	7,0% - 8,0%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các phương án được tài trợ; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	1.675 tỷ VND	7,2% - 9,15%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các phương án được tài trợ; tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	356 tỷ VND	5,0% - 9,3%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các phương án được tài trợ
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	120 tỷ VND và 5,1 triệu USD	VND: 4,0% - 7,7% USD: 1,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tiền gửi có kỳ hạn; cầu Container; một số khoản vay không có tài sản bảo đảm

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	757.419.099.477	326.764.868.406	464.347.908	1.084.648.315.791
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	20.000.000.000	860.756.849.316	-	-	880.756.849.316
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	177.647.971.852	643.762.506	178.291.734.358

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.000.000.000)	(908.641.173.696)	(169.505.927.018)	(232.173.954)	(1.081.379.274.668)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	68.840.139.670			68.840.139.670
Số cuối kỳ	17.000.000.000	778.374.914.767	334.906.913.240	875.936.460	1.131.157.764.467

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	1.717.788.888.066	1.292.736.835.638
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	65.150.892.862	68.491.964.290
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	131.576.478.099	9.413.000.939
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	394.067.659.664	344.703.075.480
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	381.862.672.330	358.435.453.670
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Đô Thành	26.523.497.452	39.077.959.252
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	121.348.864.734	138.951.156.496
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	570.082.352.337	333.664.225.511
Ngân hàng Quốc tế HSBC Việt Nam	27.176.470.588	
Vay dài hạn các cá nhân khác	142.800.000.000	137.800.000.000
Nợ thuê tài chính	2.357.960.367	992.769.114
Cộng	1.863.946.848.433	1.432.529.604.752
Trong đó:	-	-
Công ty mẹ vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	39.800.000.000	39.800.000.000
Các công ty con vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	103.000.000.000	99.000.000.000

(i) Các khoản vay dài hạn ngân hàng để đầu tư tài sản cố định, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Năm	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	2016	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần	10 năm	7,2% - 9,0%
	2024	Mua quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất (Khách sạn Hanoi Golden Hotel)	12 năm	7,2% - 9,0%
	2021	Đầu tư tàu TC Dolphin và tàu 650	05 - 07 năm	7,0% - 7,29%
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	2022	Mua tàu Tân Cảng 99 và thiết bị ứng cứu sự cố trần dầu	60 - 84 tháng	3,6% - 7,29%
	2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang	07 năm	6,68%
	2025	Đầu tư sà lan TC 375, tàu TC Apollo, TC Princess và thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	05 - 07 năm	3,6% - 6,9%
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,5%
	2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	7,7%
	2018	Đầu tư 02 cầu Mitsui	106 tháng	7,7% - 8,4%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	2022	Đầu tư tàu TC Venus và dự án tàu TC66	60 - 84 tháng	8,1% - 8,8%
	2024	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,3%
	2025	Đầu tư tàu Diamond XXIV, cầu RTG và mua máy móc thiết bị	48 - 84 tháng	6,2% - 8,3%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Năm</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồ Thành	2022	Mua tàu hút xén thời TCDG CSD02	84 tháng	9,5%
	2023	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%
	2024	Mua sà lan	48 tháng	9,5%
	2016 và 2020	Đầu tư kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần và thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	60 - 120 tháng	6,5% - 7,5%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	2022	Mua sà lan, cần trục bánh xích và xe Toyota Fortuner	60 tháng	8% - 9%
	2023	Mua tàu kéo Tolak 11 và tàu nạo vét Bestla	90 tháng	8% - 9%
	2024	Đầu tư trang thiết bị thi công và 04 xe trộn bê tông	59 - 60 tháng	8% - 9%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	2025	Đầu tư Dự án Trung tâm Logistics Lạch Huyện	144 tháng	5,2% - 8,1%

- (ii) Công ty mẹ vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư tàu TC 89 và phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	8.000.000.000	8.000.000.000
Bên liên quan	-	-
Các cá nhân khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Cộng	39.800.000.000	39.800.000.000

- (iii) Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng (công ty con) vay dài hạn cá nhân, không có tài sản bảo đảm, chủ yếu nhằm bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay từ 36 đến 60 tháng, lãi suất từ 9% đến 10%/năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<i>Tổng nợ</i>	<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	2.052.695.801.306	334.906.913.240	893.209.776.715	824.579.111.351
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	141.800.000.000	-	141.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	3.233.896.827	875.936.460	2.357.960.367	-
Cộng	2.198.729.698.133	335.782.849.700	1.038.367.737.082	824.579.111.351
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.619.501.704.044	326.764.868.406	878.844.609.261	413.892.226.377
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	137.800.000.000	-	137.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.457.117.022	464.347.908	992.769.114	-
Cộng	1.759.758.821.066	327.229.216.314	1.018.637.378.375	413.892.226.377

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	1.000.000.000	1.292.736.835.638	137.800.000.000	992.769.114	1.432.529.604.752
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	590.527.774.266	5.000.000.000	2.057.942.760	597.585.717.026
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	-	(177.647.971.852)	-	(643.762.506)	(178.291.734.358)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(5.161.083.322)	-	(48.989.001)	(5.210.072.323)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	26.333.333.336	-	-	26.333.333.336
Giảm do loại trừ khoản cho vay nội bộ	-	(9.000.000.000)	-	-	(9.000.000.000)
Cộng	1.000.000.000	1.717.788.888.066	142.800.000.000	2.357.960.367	1.863.946.848.433

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	107.311.357.353	4.052.554.608	111.363.911.961
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	22.865.980.680	441.560.621	23.307.541.301
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.271.437.374	-	1.271.437.374
Chi quỹ trong kỳ	(14.207.813.214)	-	(14.207.813.214)
Số cuối kỳ	117.240.962.193	4.494.115.229	121.735.077.422

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm trước	309.998.860.000	340.479.752.983	27.361.586.772	562.481.973.988	284.340.573.065	1.524.662.746.808
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	167.407.179.749	167.407.179.749
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	-	116.284.562.763	-	(124.036.866.947)	-	(7.752.304.184)
Phân phối lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	1.833.722.779	185.709.781	(3.094.947.940)	(982.763.745)	(2.058.279.125)
Trích kinh phí HĐQT, BKS tại Công ty con	-	-	-	(244.496.370)	(234.908.278)	(479.404.648)
Chia cổ tức bằng tiền tại Công ty mẹ	-	-	-	(92.999.658.000)	-	(92.999.658.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	403.310.719.903	34.166.924.366	437.477.644.269
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	(135.000.000)	-	(115.000.000)	(250.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(116.533)	(58.267)	(174.800)
Số dư cuối kỳ trước	309.998.860.000	458.598.038.525	27.412.296.553	745.416.608.101	484.581.946.890	2.026.007.750.069
Kỳ này						
Số dư đầu năm nay	449.996.810.000	318.600.088.525	27.412.296.553	1.277.942.823.404	574.288.267.243	2.648.240.285.725
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	3.063.910.319	3.063.910.319
Cổ đông công ty con góp vốn bằng tiền	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước và thù lao của Ban điều hành	-	800.958.033.364	245.218.172	(823.013.801.428)	(2.798.744.362)	(24.609.294.254)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(112.499.202.500)	(22.125.640.000)	(134.624.842.500)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	419.527.771.787	53.104.031.611	472.631.803.398
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	(135.000.000)	-	(115.000.000)	(250.000.000)
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở TCLH	-	-	-	118.190.114	(118.190.114)	-
Số dư cuối kỳ này	449.996.810.000	1.119.558.121.889	27.522.514.725	762.075.781.377	615.298.634.697	2.974.451.862.688

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Sự kiện tăng vốn sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 13/08/2026, Công ty mẹ đã phát hành thành công 30.000.319 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2026, đồng thời đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 tại ngày 13/8/2026.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	162.000.580.000	162.000.580.000
Các Cổ đông khác	287.996.230.000	287.996.230.000
Cộng	449.996.810.000	449.996.810.000

25c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.999.681	44.999.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	44.999.681	44.999.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	44.999.681	44.999.681

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Công ty mẹ:

Phân phối lợi nhuận năm 2025

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 112.499.202.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 793.542.549.963
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 18.035.057.953

Các công ty con (Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng)

Phân phối lợi nhuận năm 2025

	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 9.762.278.369
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 4.389.362.106
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.301.637.116
• Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 454.107.726
• Chia cổ tức	: 45.784.000.000

26. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**26a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	27.000.000.000	34.200.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	41.400.000.000	48.600.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê sà lan tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu. Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 1.200.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 48 tháng tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2025.

26b. Tài sản cầm cố, thế chấp

Thuyết minh	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	197.717.893.414	237.285.215.635
Tiền gửi có kỳ hạn		157.740.000.000	156.450.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		10.635.186.344	51.492.508.565
Tiền gửi có kỳ hạn		14.342.707.070	14.342.707.070
Tiền gửi có kỳ hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	V.2a	486.437.629.612	415.797.042.288
Tiền gửi có kỳ hạn		139.945.398.505	11.650.743.900
Tiền gửi có kỳ hạn		24.279.397.342	60.906.130.234
Tiền gửi có kỳ hạn		306.738.636.730	253.895.676.585
Tiền gửi có kỳ hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		474.197.035	20.344.491.569
Tiền gửi có kỳ hạn		10.000.000.000	64.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.897.150.709.305	1.588.706.052.599
Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		1.897.150.709.305	1.588.706.052.599
Tài sản cố định vô hình	V.12	98.814.485.186	98.814.485.186
Quyền sử dụng đất		98.814.485.186	98.814.485.186
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	V.13	493.993.166.493	6.661.697.875
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		295.912.028.483	6.661.697.875
Mua sắm tài sản cố định		200.984.247.580	
Cộng		3.296.016.993.580	2.466.264.493.583

26c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.434.883,91	12.174.860,90
EURO (EUR)	50	50,00
Bath Thái (THB)	1.706.178,57	1.796.764,81

26d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	1.245.653.127	1.245.653.127
Jungwon Maritime Pte. Ltd (*)	21.267.976.405	21.267.976.405

(*) Khoản nợ phải thu khách hàng đã được Công ty mẹ trích lập dự phòng từ năm 2020 và đã được xử lý xóa nợ theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	1.214.767.863.912	1.214.998.673.410
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	261.559.092.314	92.436.312.632
Doanh thu bán hàng hóa	227.940.295.212	79.212.016.438
Doanh thu hợp đồng xây dựng	983.448.728.010	787.227.987.303
Doanh thu dịch vụ khác	50.170.299.800	21.386.683.098
Cộng	2.737.886.279.248	2.195.261.672.881

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	844.513.468.063	842.043.051.473
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	63.399.169.627	47.407.927.109
Giá vốn bán hàng hóa	200.310.572.656	32.221.145.049
Giá vốn hợp đồng xây dựng	844.556.536.724	687.294.736.669
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	35.932.800.496	19.372.558.347
Cộng	1.988.712.547.566	1.628.339.418.647

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	25.462.004.889	11.137.930.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.962.968.204
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.809.758.534	8.806.214
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.317.769.715	30.843.000
Cộng	33.589.533.138	18.140.548.164

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	86.729.361.122	56.995.638.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.710.689.259	1.278.169.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.455.313.943
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	6.704.544.236	9.820.952.684
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	530.039.626
Chi phí tài chính khác	4.043.306.989	70.080.114.371
Cộng	100.187.901.606	70.080.114.371

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.447.186.753	5.120.779.159
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	775.758.657	681.436.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	43.500.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.399.652.428	3.155.447.459
Các chi phí khác	784.318.825	615.014.155
Cộng	9.406.916.663	9.616.177.487

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	65.439.975.220	46.839.238.168
Chi phí vật liệu quản lý	1.008.841.043	1.455.923.352
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.867.470.078	786.666.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.234.576.339	2.443.112.417
Thuế, phí và lệ phí	250.002.445	98.086.168
Lợi thế thương mại	657.457.733	125.946.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.139.984.752	19.105.495.437
Các chi phí khác	21.769.532.964	15.225.273.513
Cộng	117.367.840.574	86.079.742.132

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tàu TC Royal	-	100.502.987.780
- <i>Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản</i>	-	106.923.274.636
- <i>Chi phí thanh lý tài sản</i>	-	(6.420.286.856)
Lãi thanh lý tài sản cố định	6.527.557.107	-
Thu nhập khác	324.119.665	1.175.874.678
Cộng	6.851.676.772	101.678.862.458

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	396.625.155	150.938.511
Chi phí bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	425.256.835	-
Xử lý khoản đặt cọc cho Công ty Satomas do không thu hồi được	2.326.000.000	-
Chi phí khác	65.640.628	-
Cộng	3.213.522.618	150.938.511

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	419.527.771.787	403.310.719.903
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(44.405.090.943)	(42.688.590.363)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	375.122.680.844	360.622.129.540
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	75.000.000	75.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.002	4.808

- (*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	44.999.681	30.999.886
Ảnh hưởng của 13.999.795 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 03 tháng 9 năm 2025 từ quỹ đầu tư phát triển	-	13.999.795
Ảnh hưởng của 30.000.319 cổ phiếu phổ thông phát hành trong tháng 8 năm 2026 từ quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh V.25a)	30.000.319	30.000.319
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	75.000.000	75.000.000

9b. Thông tin khác

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước và kỳ này đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hoá đã bán	116.367.786.912	32.221.145.049
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.707.738.030	449.952.335.324
Chi phí nhân công	361.659.894.774	231.166.861.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại	205.808.009.537	156.305.908.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.327.444.898.280	26.268.911.506
Chi phí khác	76.454.046.449	432.062.197.733
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)	(627.955.069.179)	396.057.978.054
Cộng	2.115.487.304.803	1.724.035.338.266

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	36.360.000.000	39.960.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	18.180.000.000	39.960.000.000
Cộng	54.540.000.000	79.920.000.000

Thông tin về tài sản cho thuê hoạt động như sau:

Bên thuê	Tài sản cho thuê	Giá	Thời hạn cho thuê
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Tàu Tân Cảng 62	930.000.000 VND/1 tháng	2 năm, tính từ ngày 01/01/2026
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	Tàu Nha Trang	2.100.000.000 VND/1 tháng	2 năm, tính từ ngày 01/01/2026

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Đăng Phúc	Chủ tịch HĐQT	1.009.746.000	177.750.000	1.187.496.000
Ông Nguyễn Sơn (*)	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ông Trần Quang Thảo (*)	Ủy viên HĐQT	-	-	-
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng BKS (Đến 20/05/2026)	280.266.667	64.900.000	345.166.667
Ông Trương Bá Minh	Trưởng BKS (Từ 21/05/2026)	73.812.540	5.000.000	78.812.540
Bà Vũ Thị Hải Yến (*)	Thành viên BKS	-	-	-
Ông Vũ Nhật Anh	Thành viên BKS (Từ 20/05/2026)	-	-	-
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên BKS (Từ 20/05/2026)	-	-	-
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc (từ 02/07/2025)	549.000.000	101.500.000	650.500.000
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	487.800.000	89.300.000	577.100.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	382.308.000	71.000.000	453.308.000
Ông Phạm Quang Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (Từ 23/06/2026)	-	-	-
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	379.300.000	71.000.000	450.300.000
Cộng		3.162.233.207	580.450.000	3.742.683.207

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	771.462.000	138.250.000	909.712.000
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng BKS	297.900.000	58.450.000	356.350.000
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	354.000.000	67.000.000	421.000.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	456.600.000	84.100.000	540.700.000
Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	355.436.000	67.000.000	422.436.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	349.200.000	67.000.000	416.200.000
Cộng		2.584.598.000	481.800.000	3.066.398.000

(*) Một số thành viên quản lý chủ chốt không hưởng lương, thù lao tại Tập đoàn.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("SNP")	Cổ đông lớn (sở hữu 36% vốn điều lệ)
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt (Đến ngày 09/01/2026)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	136.628.697.674	16.089.496.753
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		90.226.037
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	37.254.334	46.497.882
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	10.414.733.613	12.386.443.815
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	1.281.141.246	325.310.594
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	23.505.963.056	16.216.919.427
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	309.554.407	232.839.890
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	2.172.337.934	2.362.875.461
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.504.444.444	1.247.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc		3.440.778
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	9.300.000.000	5.683.482
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.617.707.922	30.922.043.073
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	3.021.382.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	43.759.034	37.267.037
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	86.000.000	133.606.112
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	882.413.224	
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	55.502.955.181	50.313.134.352
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	24.887.774.579	4.223.333.332
Sử dụng dịch vụ của bên liên quan cung cấp:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	461.286.236	7.544.163.801
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		22.234.188.108
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	11.345.275.057	14.258.991.485
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	12.741.599.813	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng		1.547.793.683
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	9.106.547.486	11.140.076.611
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng		28.350.889.000
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa		8.384.310.097
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	4.960.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	5.379.800	20.484.932
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.827.193.387	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	765.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	7.992.578.034	46.873.903.084
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu		39.432.047.156
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	9.534.728.659	10.170.765.897
Chia cổ tức cho:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	40.500.145.000	33.479.997.000
Bán tài sản và thuê lại tài sản hoạt động:		
Bán tài sản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	-	363.779.200.000
Chi phí thuê lại tài sản hoạt động từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	-	23.468.466.820
Cổ tức được chia từ bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	11.178.351.617	9.617.726.365
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	2.520.000.000	
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	7.467.255.000	
Lãi cho vay phải thu:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		401.671.233

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.16, V.17, V.18, V.19, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có 02 lĩnh vực kinh doanh chính: Lĩnh vực dịch vụ ngoài khơi; và Lĩnh vực xây lắp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Lĩnh vực xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.214.767.863.912	983.448.728.010	539.649.501.857	2.737.866.093.779
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.214.767.863.912	983.448.728.010	539.649.501.857	2.737.866.093.779
Giá vốn hàng bán	(844.513.468.063)	(844.556.536.724)	(299.642.542.779)	(1.988.712.547.566)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	370.254.395.849	138.892.191.286	240.006.959.078	749.153.546.213
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(126.774.757.237)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				622.378.788.976
Doanh thu hoạt động tài chính				33.589.533.138
Chi phí tài chính				(100.187.901.606)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				14.076.282.476
Thu nhập khác				6.851.676.772
Chi phí khác				3.213.522.618
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(87.709.639.080)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(13.153.414.660)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				472.631.803.398
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.214.998.673.410	787.227.987.303	193.026.474.020	2.195.253.134.733
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.214.998.673.410	787.227.987.303	193.026.474.020	2.195.253.134.733
Giá vốn hàng bán	(842.043.051.473)	(687.294.736.669)	(99.001.630.505)	(1.628.339.418.647)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	372.955.621.937	99.933.250.634	94.024.843.515	566.913.716.086
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(95.695.919.619)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				471.217.796.467
Doanh thu hoạt động tài chính				18.140.548.164
Chi phí tài chính				(70.080.114.371)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				16.753.677.512
Thu nhập khác				101.678.862.458
Chi phí khác				(150.938.511)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(138.129.375.439)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				38.047.187.989
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				437.477.644.269

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Lĩnh vực xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.852.980.070.524	2.923.011.966.964	2.219.461.113.847	8.995.453.151.335
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				463.354.248.393
Tổng tài sản				9.458.807.399.728
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.562.882.752.955	2.726.931.106.643	992.823.885.253	6.282.637.744.851
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				201.717.792.189
Tổng nợ phải trả				6.484.355.537.040
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.961.586.675.623	2.819.630.673.982	1.764.854.127.615	7.546.071.477.220
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				613.330.186.334
Tổng tài sản				8.159.401.663.554
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.879.179.801.984	2.533.226.494.643	736.153.201.137	5.148.559.497.764
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				343.641.787.679
Tổng nợ phải trả				5.492.201.285.443

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Tập đoàn áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Tập đoàn đã trình bày lại số dư khoản cổ tức phải trả cổ đông không kiểm soát. Chi tiết các thay đổi như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ				
Tiền	111	400.188.884.299	(20.344.491.569)	379.844.392.730
Các khoản tương đương tiền	112	683.452.540.719	(169.437.360.564)	514.015.180.155
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	444.835.225.635	5.635.392.456	450.470.618.091
Phải thu về cho vay ngắn hạn		242.866.050	(242.866.050)	
Phải thu ngắn hạn khác	135	362.303.905.952	(10.394.631.191)	351.909.274.761
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	191.038.091.509	191.038.091.509
Phải thu về cho vay dài hạn		9.000.000.000	(9.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	215	50.700.904.854	(43.058.046.854)	7.642.858.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	-	44.878.405.411	44.878.405.411
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	156.450.000.000	10.925.506.852	167.375.506.852
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		6.402.240.000	6.402.240.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	90.880.383.763	1.778.400.000	92.658.783.763
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	582.468.907.243	(8.180.640.000)	574.288.267.243

Các điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- Trình bày lại các khoản tiền gửi bị hạn chế sử dụng từ "Tiền và các khoản tương đương tiền" sang "Tài sản ngắn hạn khác".
- Trình bày lại lãi dự thu của các khoản tiền gửi và cho vay vào cùng chỉ tiêu với khoản gốc tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Trình bày lại các khoản cho vay theo kỳ hạn phù hợp vào “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.
- Trình bày lại khoản góp vốn BCC không đồng kiểm soát vào “Đầu tư vào đơn vị khác”.
- Trình bày lại cổ tức phải trả cho các cổ đông không kiểm soát tại công ty con từ chỉ tiêu “Lợi ích của cổ đông không kiểm soát” về các chỉ tiêu tương ứng.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/ tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình/vô hình (Thuyết minh IV.8, 9 và V.10, 12).

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện đã trình bày tại thuyết minh V.25, từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Đỗ Thế Cường

Vũ Quang Tiến

Nguyễn Phùng Hưng